| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỮU LŨNG**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 25-01-2022
V/v *tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Văn Lâm.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 17 ngày 12 ngày 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 04 ngày 01 ngày 2022 và Thông báo số: 01/TB-TA ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc chuyển vụ án kinh doanh thương mại sang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số xxx, đường N, Phường x, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh L (quyết định ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020).

Địa chỉ: Lê L, Hoàng Văn T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Việt T – Chuyên viên quản lý nợ, Phòng ban Kiểm soát rủi do (Giấy ủy quyền số 20/2021/GUQ-CNLS ngày 09/11/2021). Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thị Minh H, sinh năm 1992. Địa chỉ: đường B, khu A,

thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2021, các bản khai, các tài liệu chứng cứ cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) trình bày:***

Khoản vay thứ nhất: Ngày 09/11/2019, chị Lâm Thị Minh H đã ký với Ngân hàng S - Chi nhánh L Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và thu nhập của chị Lâm Thị Minh H, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 356481-4355, loại thẻ JCB Jspeedy CR Gold NOTISSUE, hạn mức 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất áp dụng 2.6%/tháng, biện pháp bảo đảm: không có (tín chấp), thời hạn sử dụng thẻ từ tháng 11/2019 đến tháng 11/2022, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 22/11/2019 đến ngày 24/9/2021 chị Lâm Thị Minh H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 97.687.000đ và đã thanh toán được 73.500.000đ. Các giao dịch tiếp theo chỉ thanh toán số tiền gốc tối thiểu và tiền lãi mỗi tháng cho ngân hàng và chưa thực hiện thanh toán hết số tiền dư nợ gốc còn lại.

Từ ngày 22/4/2020 đến ngày 22/7/2020 chị Lâm Thị Minh H không thực hiện thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu, không có thiện trí trả nợ và vi phạm điều khoản nên được phân loại vào nhóm nợ xấu. Ngày 22/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (căn cứ Điều 24 của Bản điều khoản). Theo quy định Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 27.390.009đ (tiền gốc đầu kỳ) + 352.165đ (phí trễ hạn) + 713.360đ (tiền lãi) + 54.846đ (Phí vượt hạn mức) = 28.510.380 đồng làm nợ gốc; áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/01/2022) bị đơn còn nợ Ngân hàng S số tiền nợ gốc 28.510.380đ + lãi quá hạn 20.458.776đ = Tổng 48.969.156đ.

Khoản vay thứ hai: Ngày 29/6/2019 Chị Lâm Thị Minh H đã ký với Ngân hàng S - Chi nhánh L Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1918000092, cấp khoản tín dụng với số tiền là: 30.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm, trả gốc và lãi hàng tháng theo dư nợ ban đầu, biện pháp bảo đảm: không có, vay tiêu dùng với mục đích mua sắm vật dụng gia đình. Trong quá trình sử dụng, chị Lâm Thị Minh H vi phạm Hợp đồng chậm thanh toán vốn gốc và lãi dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Chị H đã thanh toán được số tiền vốn gốc là: 13.250.000đ và số tiền lãi đã thanh toán là 3.183.523đ. Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đã hết thời hạn, tuy nhiên chị H không hợp tác, không có thiện chí trả nợ. Khoản vay tính đến ngày 25/01/2022 là 26.014.206đ, trong đó: Nợ gốc 16.750.000đ, lãi trong hạn 4.917.262đ, lãi quá hạn 3.787.704đ, lãi phạt quá hạn 559.240đ.

Đối với bị đơn là chị Lâm Thị Minh H; Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản, gồm Thông báo thụ lý vụ án, 02 Giấy triệu tập đến tòa để viết bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chị Lâm Thị Minh H phải thanh toán toàn bộ hai khoản nợ tính đến ngày xét xử 25/01/2022 như đã nêu trên và yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả tiếp khoản lãi phát sinh từ sau ngày 25/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ số LD1918000092 ngày 29/6/2019 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 09/11/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm đề xuất về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Lâm Thị Minh H trả Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 25/01/2022 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số tiền là 48.969.156đ, trong đó: Nợ gốc 28.510.380đ, lãi quá hạn 20.458.776đ; theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ số tiền 26.014.206đ, trong đó: Nợ gốc 16.750.000đ, lãi trong hạn 4.917.262đ, lãi quá hạn 3.787.704đ, lãi phạt quá hạn 559.240đ và chị Lâm Thị Minh H có trách nhiệm hoàn trả tiếp khoản lãi phát sinh từ sau ngày 25/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nợ ngày 29/6/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/11/2019. Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng S ký kết chị Lâm Thị Minh H Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ. Quá trình thực hiện các hợp đồng, chị Lâm Thị Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng đã có đơn khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp các hợp đồng tín dụng; ngày 12/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành thụ lý vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2021/TLST-KDTM ngày 12/11/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định hợp đồng giao kết chỉ có một bên đăng ký kinh doanh thực hiện giao dịch vì mục đích lợi nhuận, bên còn lại là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng nên xác định là vụ án tranh chấp dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ban hành Thông báo về việc chuyển từ thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST-DS ngày 25/01/2022 về tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chị Lâm Thị Minh H cư trú tại

đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng cư trú, xác định chị Lâm Thị Minh H đăng ký hộ khẩu theo đúng địa chỉ trong hợp đồng và đơn khởi kiện; hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để chị Lâm Thị Minh H biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời nhiều lần triệu tập chị Lâm Thị Minh H đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị Lâm Thị Minh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ các Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4] Tại khoản vay thứ nhất: Ngày 09/11/2019, trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và căn cứ thu nhập của chị Lâm Thị Minh H, Ngân hàng đã cấp và phát hành thẻ tín dụng số 356481-4355 có hạn mức sử dụng 25.000.000đ, lãi suất áp dụng 2.6%/tháng, chốt giao dịch ngày 30 hàng tháng, thời hạn sử dụng thẻ là từ tháng 11/2019 đến tháng 11/2022; biện pháp bảo đảm: Không có, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[5] Các bên thỏa thuận điều kiện phát hành, sử dụng thẻ được thực hiện theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S, thể hiện qua cam kết: "*Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng xác nhận rằng tôi/chúng đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này, tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng và S. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp*". Trong đó có các nội dung cơ bản như sau*:* Chủ thẻ sử dụng thẻ vào mục đích tiêu dùng như giao dịch mua hàng hóa, rút tiền mặt trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với tổ chức phát hành thẻ và được bảo đảm bằng tín chấp (Điều 4, Điều 5); Lãi suất theo thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Điều 1.31, Điều 22, Điều 23). Về phí: Chủ thẻ còn phải trả các loại phí như: phí hàng năm, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán…Chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí của S. Biểu phí là một phần không thể tách rời của Bản Điều khoản và Điều kiện. Chủ thẻ có thể tham khảo Biểu phí hiện hành tại trang web www.S.com.vn hoặc tại bất kỳ Chi nhánh, phòng giao dịch nào của Sbank hoặc gọi điện cho Trung tâm dịch vụ khách hàng (Điều 24); dư nợ: là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ (Điều 1.11). Về vi phạm: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho kỳ phát

hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm; khi vi phạm xảy ra, Ngân hàng sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi nợ, áp dụng lãi suất quá hạn (Điều 23).

[6] Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng với Bản Điều khoản và điều kiện tạo nên một hợp đồng tín dụng đã được chị Lâm Thị Minh H và Ngân hàng S ký kết, thống nhất, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và đã thực tế thực hiện trong suốt một thời gian dài thể hiện qua biểu sao kê giao dịch cho đến khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

[7] Tại khoản vay thứ hai: Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn đề ngày 27/6/2019, Ngân hàng S đã ký kết với chị Lâm Thị Minh H Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1918000092 ngày 29/6/2019, cấp khoản tín dụng 30.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm, trả gốc và lãi hàng tháng theo dư nợ ban đầu, ngày trả nợ là ngày 30 hàng tháng, vay tiêu dùng với mục đích mua sắm vật dụng gia đình, biện pháp bảo đảm: không có. Hai bên đã thực hiện các điều khoản đã ký kết, không có tranh chấp, khiếu nại.

[8] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc hai bên xác lập hai hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết bởi chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp và hoàn toàn tự nguyện với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng (được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016). Khẳng định hai hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết, đồng thời tất yếu phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các chủ thể tham gia.

[9] Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tại Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Từ kỳ tháng 11/2019 đến kỳ tháng 3/2020,chị H đã thanh toán đầy đủ các giao dịch phát sinh. Từ kỳ tháng 4/2020, dư nợ kỳ trước chuyển sang là 24.588.088đ và chị H không thực hiện thêm giao dịch nào khác. Từ kỳ tháng 4/2020 đến kỳ tháng 7/2020 chị H chỉ thanh toán số tiền gốc tối thiểu và tiền lãi, phí mỗi tháng cho Ngân hàng và chưa thực hiện thanh toán hết số tiền dư nợ gốc còn lại. Từ kỳ tháng 8/2020 đến nay chị H không thanh toán được bất kỳ một khoản nào theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, nên theo Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện của hợp đồng thì chị H đã vi phạm ba kỳ liên tiếp không thanh toán do vậy ngày 22/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi quá hạn đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã ra thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng chị H không thực hiện, nay nguyên dơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ phát sinh tính đến ngày 25/01/2021 tổng số tiền 48.969.156đ (trong đó nợ gốc 28.510.380đ, lãi quá hạn 20.458.776đ) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ pháp lý được chấp nhận.

[10] Đối với Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ: Trong quá trình thực hiện, chị H đã vi phạm điều khoản mà hai bên ký kết, Ngân hàng ra thông báo

yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng chị H không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các điều khoản hợp đồng mà hai bên ký kết. Nay nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu chị H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 25/01/2022 tổng số tiền là 26.014.206đ (trong đó nợ gốc 16.750.000đ, lãi trong hạn 4.917.262đ, lãi quá hạn 3.787.704đ, lãi phạt quá hạn 559.240đ) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với yêu cầu tính lãi xuất quá hạn: Tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đều có thỏa thuận tự nguyện về mức lãi suất, quá hạn phù hợp với các quy định tại điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thỏa thuận mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (*lãi trong hạn là 2,6%/tháng*), nên lãi quá hạn: 150% x 2,6%/tháng=3,9%/tháng và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ thỏa thuận lãi trong hạn là 13,5%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, nên lãi quá hạn: 150% x 1,125%/tháng=1,6875%/tháng là đúng theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: Đối với trường hợp người vay chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Tòa án cần quyết định bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[12] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tương ứng tổng số tiền phải thanh toán, cụ thể 74.983.362đ x 5% = 3.749.168đ.

[13] Lời phát biểu và quan điểm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với các nhận định, căn cứ đánh giá giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử .

[14] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

***1.1.*** Buộc chị Lâm Thị Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ phát sinh tính đến ngày 25/01/2022 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng JCB Jspeedy CR Gold NOTISSUE 356481-4355 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), tổng số tiền 48.969.156đ (bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc 28.510.380đ (hai mươi tám triệu, năm trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

- Lãi quá hạn 20.458.776đ (hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

***1.2.*** Buộc chị Lâm Thị Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ phát sinh tính đến ngày 25/01/2022 theo Hợp đồng cho vay số LD1918000092 ký ngày 29/06/2019, tổng số tiền 26.014.206đ (hai mươi sáu triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm linh sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 16.750.000đ (mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Lãi trong hạn: 4.917.262đ (bốn triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm sáu mươi hai đồng).

- Lãi quá hạn 3.787.704đ (ba triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm linh tư đồng).

- Lãi phạt quá hạn 559.240đ (năm trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi đồng).

***Thời hạn thanh toán:*** Tổng cộng cả hai khoản nợ chị Lâm Thị Minh H phải thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân

hàng Thương mại cổ phần S là 74.983.362đ (bảy mươi tư triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

**2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong 02 hợp đồng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

**3. Về án phí:**

***3.1.*** Bị đơn chị Lâm Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.749.168đ (ba triệu, bảy trăm, bốn mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng).

***3.2.*** Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 863.000đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004071 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

**4. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Cường**